

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 29 /2022/DS-ST

Ngày 17/ 06/2022.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên

- Các Hội thẩm nhân dân:

[1]. ông Phạm Thành Đô;

[2]. bà Lê Thị Thận;

- Thư ký phiên tòa: bà Mai Thị Chang – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 06 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2021/DS-ST, ngày 09/03/2021 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”. Theo Quyết định đưa ra xét xử số 15 /2022/QĐST-DS ngày 16 tháng 05 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty tài chính TNHH (gọi tắt là “JIVF”).

Địa chỉ : tòa nhà C, 72 -74 , đường Nguyễn Th K, phường Võ T S, Quận 3, TP. HCM.

Người đại diện theo ủy quyền: ông AKITA TETSUYA.

Người được ủy quyền lại: anh Lê T C. (có mặt)

Bị đơn: anh Nguyễn V G; sinh năm 1987(vắng mặt)

chị Sầm T D ; sinh năm 1987(vắng mặt)

Địa chỉ : Thôn 3, xã Ph S, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2020 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/6/2017 anh Nguyễn V G, chị Sầm T D có vay nguyên đơn Công ty tài chính TNHH số tiền 580.000.000đ, thời hạn vay 72 tháng, lãi suất 0,666%/ 1 tháng, mỗi tháng bị đơn phải trả góp bao gồm gốc và lãi tổng cộng 10.167.014đ, hợp đồng ký kết số 82010-000-000-0013-000 ngày 30/06/2017.

Khi vay có thể chấp tài sản xe ô tô BS 93C -092.83, số khung MNTCC4D23Z0017261, số máy YD25678573T. Hiệu NISSAN NP 300 NAVARA, chủ sở hữu đứng tên chị Sầm T D .

Tính đến ngày 06/11/2020 anh Nguyễn V G, chị Sầm T D còn nợ số tiền gốc 373.228.600đ; Lãi trong hạn 25.716.174đ; lãi quá hạn 1.214.224đ; tổng cộng 400.158.971đ. Kể từ ngày 07/11/2020 đến nay bị đơn không trả nợ, vi phạm vào điều 7 của hợp đồng đã ký kết. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu :

1/Bị đơn vợ chồng anh Nguyễn V G, chị Sầm T D phải trả cho nguyên đơn số tiền là 400.158.971đ.

2/ Bị đơn tiếp tục trả lãi từ ngày 07/11/2020 cho đến khi trả nợ xong.

3/ Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì đề nghị phát mãi tài sản đã thế chấp.

Đối với bị đơn, mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đủ trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về " Hợp đồng vay tài sản ".

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3]. Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy ngày 30/6/2017 anh Nguyễn V G, chị Sầm T D có ký hợp đồng vay tiền với Công ty tài chính TNHH , hợp đồng số 82010-000-000-0013-000, số tiền vay 580.000.000đ, thời hạn vay 72 tháng, lãi suất 0,666%/1 tháng, mỗi tháng bị đơn phải trả góp bao gồm gốc và lãi tổng cộng 10.167.014đ.

Khi vay có thế chấp tài sản xe ô tô BS 93C -092.83, số khung MNTCC4D23Z0017261, số máy YD25678573T. Hiệu NISSAN NP 300 NAVARA, chủ sở hữu đứng tên chị Sầm T D .

Theo trình bày của nguyên đơn, tính đến ngày 06/11/2020 anh Nguyễn V G, chị Sầm T D còn nợ số tiền gốc 373.228.600đ; Lãi trong hạn 25.716.174đ; lãi quá hạn 1.214.224đ; tổng cộng 400.158.971đ.

Đối với bị đơn anh Nguyễn V G, chị Sầm T D , mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Như vậy nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Nguyễn V G, chị Sầm T D liên đới trả nguyên đơn số tiền gốc 373.228.600đ.

Về tiền lãi tính đến ngày 06/11/2020 bị đơn còn nợ :

Lãi trong hạn 25.716.174đ, lãi quá hạn 1.214.224đ. Cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn.

Đối với tiền lãi kể từ ngày 07/11/2020 đến nay 17/6/2022 là 19 tháng 10 ngày, mức lãi 0,666%/1 tháng:

$373.228.600đ \times 0,666\%/1 \text{ tháng} \times 19 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 48.056.914đ.$

Tổng cộng cả gốc và lãi 448.215.885đ. cần buộc bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả nguyên đơn.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn anh Nguyễn V G, chị Sầm T D liên đới nộp án phí theo luật định, tổng số tiền có nghĩa vụ phải trả 448.215.885đ nên tiền án phí là 21.928.636đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.003.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 016045 ngày 08/3/2021.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Nguyễn V G, chị Sầm T D phải liên đới trả cho nguyên đơn Công ty tài chính TNHH (gọi tắt là “JIVF”) số tiền nợ gốc 373.228.600đ;

Tổng tiền lãi; 74.987.285đ. Tổng cộng cả gốc và lãi 448.215.885đ.

Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp theo quy định pháp luật.

[2]. Về án phí: Buộc bị đơn anh Nguyễn V G, chị Sầm T D phải liên đới nộp tiền án phí DSST là 21.928.636đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.003.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 016464 ngày 08/3/2021.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHA huyện BĐ;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên

